III
PHẦN THỨ BA

1. Sài Gòn dưới trào NGUYỄN ÁNH (1774-1820) Thử nhắc lại vài nết ăn thói ở thời Quan Lớn Thượng.

2. Sài Gòn dưới Trào Minh Mạng (1820-1840)

Thật ra, khó mà tóm tắt trong vài câu gọn và đầy đủ về điển tích chung quanh thành và đất Sài Gòn. Muốn hiểu vấn đề này, phải chịu khó tìm dấu gót vua Gia Long trong những năm người bôn tẩu trong Nam, từ năm 1774, và theo dõi các vì vua chúa nhà Nguyễn đến năm khai chiến cùng binh Pháp là năm 1859.

Phần này chia ra:

1. Thời đại Nguyễn Ánh (từ năm 1774 đến năm 1820). (Nguyễn Phúc Ánh xưng chúa từ năm 1774-1802, tức là vị hoàng đế lấy đế hiệu Gia Long từ năm 1802-1820).

(Xem một đoạn tả về vài nết ăn thói ở dưới triều hai vua Gia Long và Minh Mạng lúc quan Tả quân còn làm Tổng trấn tại Gia Định);

2. Sau năm biến cố 1859;

3. Tây đến Tây đi (dứt trước năm ký hiệp định Genève 1954).

1. Sài Gòn dưới trào Nguyễn Ánh (1774 - 1820)

Cõi Nam, đến năm 1772, Chúa Nguyễn đóng đô ở Huế. Lâm cảnh lưỡng đầu thọ địch, trên thì Chúa Trịnh Sâm sai tướng binh đánh xuống, dưới lại bị quân Tây Sơn nổi dậy, giết lên.

Qua năm 1774, Nguyễn Duệ Tông cùng hai cháu là Mục Vương và Nguyễn Ánh phải rời Huế đào tỵ vào Đồng Nai.

Từ năm 1774 đến năm 1789, ngót 15 năm, Chúa Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh đuổi, chạy gần khắp nơi, khi thì về nương náu vùng Sài Gòn, mà về như vậy ở cũng không được lâu, khi lê gót lưu vong khắp miền Cà Mau (lúc bấy giờ gọi là *Đông Xuyên*), khi lại chạy ẩn trốn ngoài hòn Phú Quốc (1782-1786). Mỗi năm cứ đến mùa gió thuận thì binh Tây Sơn trẩy thuyền vào Nam ruồng kiếm, quyết tận diệt dòng Nguyễn Phúc.

Chúa Nguyễn Ánh ẩn núp miền Nam còn để lại nhiều cảm tình trong dân chúng. Cho đến ngày nay, người Lục tỉnh còn cữ đặt tên con đứa đầu lòng luôn luôn là "thứ hai" rồi thứ ba, tư v.v... vì kiêng chữ "cả" riêng dành tưởng niệm ông Hoàng Cả là Đông Cung Cảnh.

Trong thú chơi ấm chén, di tích *Gia Long tẩu quốc*

còn ghi lại ở vài bộ chén trà cổ, tôi biết có đến ba kiểu vẽ khác nhau. Cả ba kiểu đều vẽ hình một khách lữ hành đứng độc thân bờ sông bên kia, tựa hồ đang chờ một chiếc thuyền con lững lờ giữa vời ra rước khác nhau chăng là tại hai câu thi:

Một bộ chén thì:

Bình kiều nhơn hoán độ,

. Chuyển lực tiểu thuyền lai.

(Cầu vững, người kêu đò, ra sức, thuyền lại gần).

Một bộ chén khác nữa thì:

Ngư gia độ hoàng gia,

"Âm tinh ngộ đế tinh

(Ông chài độ ông vua, sao âm gặp sao đế).

Bộ thứ ba vẽ y hai bộ trước duy không có đề thi.

Nghiệm ra bộ "Bình kiều"... có lẽ cổ hơn bộ "Ngư gia", nhưng cũng không có gì dám quả quyết. Trái lại bộ "Ngư gia..." nói sát đề hơn, tuy phải giọng cao kỳ đế vương khó chịu! Còn bộ ba, khỏi nói, khi hai bộ trước được thông dụng rồi, ai ai đều thuộc điển tích nằm lòng, cắt nghĩa nữa là thừa nên chi thợ vẽ bỏ không đề thi, vô ích. Tôi gặp cả thảy có trên vài chục bộ rã rời, còn trơ trọi cái dĩa bàn lẻ loi, không thấy bộ nào men già giặn cổ kính, có lẽ toàn mới ký kiểu vào thời Tự Đức hoặc gần đây: một dĩa đẹp tuyệt, rạn da rắn, nét vẽ thần tình, thì hiện chủ nó, ông bác sĩ H. mua được tại Huế, đã mang luôn về Pháp, mất dạng biệt tích cho mỹ thuật xứ sở. Nay Viện Bảo

tàng Sài Gòn có đủ hai kiểu dĩa vẽ tích này, bày tại phòng triển lãm mỹ thuật Việt. Tháng ba dương lịch năm 1960, tình cờ tôi mua được một chén tống và hai chén quân vẽ tích này, (thiếu một chén quân và một dĩa bàn). Hiệu dưới đáy đề "Tân Sửu" (1841). Theo tôi đây là bộ chén cổ nhứt kiểu *Gia Long tẩu quốc* do sứ bộ năm đầu Thiệu Trị sang Tàu mang về.

Năm 1789, Nguyễn Ánh cả thắng Tây Sơn, thâu được Sài Gòn và ra lịnh xây đắp thành trì thêm kiên cố. Tính ra thành này xây năm Canh Tuất (1790) đến năm Minh Mạng thứ 16 (1835) thì bị hạ, vỏn vẹn dùng chỉ bốn mươi lăm năm, uổng quá! Về sau sử sách gọi đây là (Gia Định phế thành).

Năm 1784, Linh mục Bá Đa Lộc đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp quốc định cầu cứu viện, chuyển về năm 1789 (14-7-1789) Bá Đa Lộc dẫn đường cho một số võ quan và quân nhơn Pháp, nhơn tránh nạn Cách mạng đảo chánh đột khởi một ngày nào bên xứ họ, nên tình nguyện đầu quân dưới cờ Nguyễn Chúa. Thành Sài Gòn do Gia Long ra lịnh xây cất là do quan Olivier de Puymanuel (cũng có sách viết de Puymanel) - ông này Việt danh là "Ông Tín"(1) xây theo kiểu Vauban: Thành xây tám góc ám theo Bát Quái, chữ gọi "Quy Thành".

Vách cao mười lăm thước mộc, tính ra lối bốn thước

---

(1) Ngày 15 tháng 5 năm thứ 51 Cảnh Hưng (27-6-1790) de Puymanuel được Chúa Nguyễn sắc phong "Khâm sai Cai đội Thạnh oai hầu. (theo *Bulletin de Société des Etudes Indochinoises* năm 1935, trương 37)."

tây lẻ tám tấc (4m80), toàn bằng đá ong Biên Hòa kiểu "lục lăng" (1). Năm 1926, khi thợ đào móng cất nhà chọc trời góc đường Tự Do và Gia Long (building Catinat), thì gặp dưới đất cát lối năm thước sáu tây bề sâu (5m60), một mớ đá ong lục lăng, định chắc đó là chưn cũ vách Thành Sài Gòn đời Gia Long xây năm 1790. *(Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, N. Octobre-Décembre 1934, trương 48).*

Một di tích khác cũng của "Quy Thành" lại đào thấy năm 1935 tại nhà thương Đồn Đất, góc đường Lagrandière (Gia Long) và Lafont (Chu Mạnh Trinh). Theo ông Charles Lemire thì đường Lagrandière cũ là con đường đắp trên hào thành xưa. (Xem bản đồ) (*B.S.E.I.*Oct./Déc. 1935, tr.51). Hiện mớ đá lục lăng tìm năm 1926 còn lưu trữ tại kho của Viện Bảo tàng trong Vườn Bách thảo để làm dấu tích (2).

Theo ông Trương Vĩnh Ký kể lại thì trung tâm Thành 1790 ở đúng trung tâm nhà thờ lớn Đức Bà hiện nay, nơi đây thuở xưa có dựng một cây cờ lịnh to lớn. Theo ông L. Malleret đã nghiên cứu kỹ càng thì cờ lịnh này phải đặt lối trên con đường Hai Bà Trưng (Paul Blanchy) mới trúng chỗ, vì thuở đó đường này là trung tâm đạo chia thành Gia Long ra làm hai phía bằng nhau (*B.S.E.I.* năm 1935, nơi trương 45). Cũng trong tập *B.S.E.I* năm 1935 này, nơi trương 53, tác giả kể khi xưa lúc đào nền móng để xây

---

(1) Gọi "lục lăng" vật có sáu khía: bình lục lăng, đá lục lăng. Cây lục lăng là cây tròn mà có khía, cây bền chắc.

Thằng lục lăng là đứa ngang tàng không biết phép (*Đại Nam quốc âm tự vị*, Huỳnh Tịnh Của).

(2) Những tảng đá lưu lại đo được 0m34x0m34x0m11.

nhà thờ Đức Bà có gặp một lớp tro, cây, gạch và đá cháy lụn vụn dày trên ba tấc tây (0m30), định chừng đó là di tích kho lương mễ của giặc KHÔI bị binh lính Minh Mạng đốt năm 1835 khi phá Quy Thành. Trong đống tro này, thợ đào đất đã gặp lềnh kềnh ngổn ngang nào xác tiền điếu, tiền kẽm bị lửa cháy ra khối kẹo quánh lại, nào đạn súng to bằng gang sắt, bằng đá khối, nào hài cốt trẻ con còn đựng trong hũ trong vò.

Cứ theo tài liệu Trương Vĩnh Ký thì bốn vách Quy Thành, ám theo bốn hướng, có thể nói ở lọt vào:

1. *Đông:* đường Lê Thánh Tôn (d'Espagne cũ);

2. *Tây:* đường Phan Đình Phùng (Richaud cũ). (Cách nay gần bốn chục năm, thuở nhỏ, tôi nhớ tại góc Phan Đình Phùng chạy qua đại lộ Đinh Tiên Hoàng (Albert 1er cũ) có một hào thành sâu hóm, trên khoảng Albert 1er có đặt hai cây cầu bắc qua hai hào cạn (hào trong và hào ngoài), anh bạn nào xưa từng học trường Chasseloup lối năm 1920-1925, đi la mát nơi đây hồi đó ắt còn nhớ rõ; thêm thuở ấy có một chiếc xe hỏa cà xịch cà xạc (le tortillard) chạy ngang đây phun khói lửa uốn mình vòng quanh bờ thành cũ coi như con rắn dài, oai nghi khá đại! Về sau hào thành bị lấp dần mất dạng, chỗ thì trồng dâu rồi biến thành Sở Canh nông và Trại Gia đình Binh sĩ Hồng thập tự, chỗ mới bồi đây dựng lên Viện Quốc gia khảo về vi trùng và bịnh lý gia súc, chỗ cất dinh thự các nhân viên Hãng hàng không. Một di tích hào thành khác nữa còn sót lại là đường Mạc Đĩnh Chi và Trần Cao Vân (Massiges và Larclauze cũ); ở góc này khoảng năm 1924-

1925 là nơi đất trống, tụ tập đến nghe Nguyễn An Ninh diễn thuyết (1) và dự tiệc đãi Bùi Quang Chiêu đi Tây trở về, góc này sầm uất, trước đây bốn mươi năm là chỗ đất thấp lài lài có cất ba căn nhà ngói trệt, thầy tôi là giáo sư già Bernard Bourotte hằng nói thuở ông còn ở đây đêm đêm thường nghe nhiều tiếng hú lạ lùng, ai không tin thử hỏi anh bạn thân ái Đốc phủ P.V.V. đã từng ở đó lì gan chịu ốm rét, chịu bỏ một đứa con vì đau bệnh và từng rởn ốc những đêm mưa dai gió rít, nặng nề những oan hồn ma lạnh hào thành xưa. Cũng xóm này, thuở ấy có những trạm xe lửa đặt tên rất kêu: gare Larclauze là ga Hàng Sao; gare "la Citadelle" là ga Hào Thành, nay tên (Hào Thành) đã nhường lại cho sân cỏ đá banh và dãy nhà nhiều tầng mới cất.

3. *Bắc:* đường Đinh Tiên Hoàng (Albert 1er cũ) nối dài qua đường Cường Để (Luro cũ).

4. *Nam:* đường Công Lý (Mac Mahon sau gọi là Général de Gaulle). Hiện nay, ở giữa khoảng nhà dòng (Presbytère) nguyên vị trí góc thành xưa, còn nhiều dấu vết Quy Thành, nhìn kỹ còn nhận được.

Nhắc lại còn đường Hai Bà Trưng (đời Napoléon III tên Route Impériale, sau năm 1870 đổi là Nationale, từ năm 1902 lấy tên Paul Blanchy, rồi đổi từ năm 1952 là Trưng Nữ Vương, đến năm 1955 mới thiệt thọ là đường Hai Bà Trưng) thì vào đời Đàng Cựu, vẫn cắt xẻ Quy Thành ra hai phần bằng nhau và ăn xuyên thấu bên này

(1) Nguyễn An Ninh nhóm họp ở đây trước rồi sau đó mới lên nói và diễn thuyết trên đường Lanzarotte.

qua bên kia thành.

Tám cửa Phan Yên Thành này còn ghi tên để lại rành rẽ. Đây là tài liệu theo ông Trương Vĩnh Ký.

Đông môn, cũng gọi là *Cửa Tiền* gồm hai cửa:

- Gia Định môn, day mặt ra hướng Chợ cũ Sài Gòn.

- Phan Yên Môn, trên con đường bọc theo kinh Cây Cám (nay con kinh này đã bị lấp mất dạng, nhưng dọ biết trước kia nó ở gần Kho đạn cũ).

Tây môn, cũng gọi là *Cửa Hậu,* gồm hai cửa:

- Võng Khuyết môn (ở lối cầu Bông).

- Cung Thìn môn (ở lối rạch Thị Nghè) (theo P.Ký)

Bắc môn, cũng gọi là *Cửa Tả,* gồm có:

- Hoài Lai môn (trổ về rạch Thị Nghè).

- Phục Viễn môn (cũng trổ về rạch Thị Nghè).

Nam môn, cũng gọi là *Cửa Hậu,* gồm có:

- Định Biên môn (lối ngã tư Công Lý và Hồng Thập Tự);

- Tuyên Hóa môn (đường Công Lý gần đường Frères Louis cũ, nay là đường Võ Tánh).

Theo Đại *Nam nhứt thống chí,* thì "Quy Thành" có tên khác là *Gia Định kinh* (sau vì phá bỏ nên lại gọi *Gia Định phế thành*) ở về địa phận làng Tân Khai, huyện Bình Dương và xây năm Canh Tuất (1790), vừa giống Bát Quái vừa giống hình hoa sen.

Theo bộ này, thì tám cửa thành là:

Đông	- Trấn Hanh (Chấn Hanh) - Cấn chỉ;
Tây	- Tốn Thuận; - Đoài Dúyệt;
Bắc	- Khôn Hậu; - Khảm Hiểm;
Nam	- Kiền Nguyên (Càn Nguyên) - Ly Minh

Trong thành đếm được dọc ngang tám con đường cái.

Thành, chu vi đo được:

- Từ Đông qua Tây: 130 trượng 2 xích (1).

- Từ Bắc qua Nam: cũng y như thế.

Thành xây hướng về Đông Bắc, và cao độ: 1 trượng 3 xích có ba bậc.

Bề cao của chưn tường dày bảy trượng năm xích.

Trong thành đặt nhà Thái miếu và kho về bên tả, bên hữu là xưởng trại, ở giữa là hành cung.

Trại lính thì bố liệt chung quanh; trong để quân túc

(1) Theo Philastre, trượng và xích không y nhau, và tùy theo thời đại xê xích đôi chút. Đại để: xích hay thước mộc là 0m526 khi thì 0m40, khi lại 0m32 và phải 10 thống mới là 1 tấc.
Ông bạn lão thành Vi Huyền Đắc, đọc đến đây, đề nghị về kích thước, nên lấy chiết trung 40cm để chuyển ra thước Tây tiện hơn.

vệ ở, trước sân có trụ cờ ba từng, cao 12 trượng 5 thước, trên có Vọng đẩu bát giác tọa (tháp canh) ở bên treo thang dây, trên đẩu có quân thủ vọng ngồi gác, có việc gì quan ngại thì ban ngày treo cờ hiệu, ban đêm treo đèn hiệu, quân đội tuân theo đó làm hiệu lịnh điều khiển.

Hào thành sâu: 14 xích; bề ngang 10 trượng 5 xích; chu vi 794 trượng. Có xây điếu kiều, ngoài kiều có đắp thạch trại (xem hình số 1).

Năm Tân Dậu (1801), đại binh Nguyễn Ánh thâu được thành Phú Xuân (Huế). Vương sai tháo gỡ sườn nhà Thái miếu ở Sài Gòn chở ra Huế dựng lại. (1) Từ đây thành Sài Gòn lọt xuống hàng ải trấn thủ miền Nam, không còn là kinh đô Nguyễn triều nữa. Nhưng đến năm Quý Dậu (1813), Gia Long sai Nguyễn Văn Nhân và Trịnh Hoài Đức lập hành cung tại Sài Gòn, có xây gác chuông và gác trống hai bên tả hữu, định chừng chưa bỏ ý trở vào Nam và vẫn có lòng thiết lập triều đình tạm trong này ngộ khi hữu sự.

Sau tòa Hành cung, có dinh quan tướng súy.

Tại cửa Ly Minh có xây gác cao đặt tên gác Thân Minh.

Nơi ba cửa Kiền Nguyên, Ly Minh và Tốn Thuận có đặt trại lính lợp ngói vách sơn đỏ.

---

(1) Định cho mấy năm đầu đời vua Gia Long, chưa tuyển được danh mộc tốt nên phải chở Thái Miếu từ Sài Gòn ra Huế xây dựng lại như thế. Một bằng cớ nữa là đền "Hiển trung từ" tại thành Ô Ma (Camp des Mares) vì làm bằng cây tạp (dầu) nên sau mối ăn hư nát. Ngôi nhà thờ lăng Bá Đa Lộc cũng bằng cây dầu nên sửa chữa hoài.

Qua đời Minh Mạng, có lịnh đổi tám cửa thành:

Trấn Hanh	đổi làm	Phục viễn,
Cấn Chỉ	"	Hoài Lai,
Tốn Thuận	"	Tĩnh Biên,
Đoài Duyệt	"	Tuyên Hóa,
Khộn Hậu	"	Củng Thần,
Khảm Hiểm	"	Vọng Khuyết,
Kiền Nguyên	"	Gia Định,
Ly Minh	"	Phiên An.

Trong quyển *Souvenirs historiques*, ông Trương Vĩnh Ký theo lời truyền khẩu của các cụ già từng biết Thành năm 1790, đã ghi tên các cửa thành, nhưng địa điểm lại ghi khác (có lẽ vì không đọ lại với địa đồ). Nay tôi xin tóm

Tên các cửa thành đặt từ đời Gia Long	**Đức Minh Mạng đổi lại**	**Theo ông Trương Vĩnh Ký**
Đông Trấn (Chấn) Hanh Cấn Chỉ	Phục Viễn Hoài Lai	Phục Viễn môn) cửa tả Hoài Lai môn) Bắc môn?
Tây Tốn Thuấn Đoài Duyệt	Tĩnh Biên Tuyên Hóa	Định Biên môn) cửa hữu Tuyên Hóa môn) Nam môn?
Bắc Khôn Hậu Khảm Hiểm	Củng Thần Vọng Khuyết	Cung Thìn môn) cửa hậu Vọng Khuyết môn) Tây môn?
Nam Kiền Nguyên Ly Minh	Gia Định Phiên An	Gia Định môn) cửa tiền Phan Yên môn) Đông môn?

tắt các tài liệu làm một bảng như sau

Như đã thấy, trên bản phương hướng không y và tên cửa thành cũng có đổi thay, tôi xin giữ đúng để các nhà khảo cứu tự so sánh và tìm hiểu lấy.

Đời quan Thượng (Lê Văn Duyệt) sai nối vách thành lên cao 1 thước 5 tấc dùng toàn đá ong kiên cố; vì vậy sau này bị khép vào tội tự chuyên và có ngoại tâm.

Năm 1832 (Minh Mạng thứ 13) vua sai đổi tên là Phiên An Thành (Phan Yên).

Năm 1833, Lê Văn Khôi làm phản, chiếm thành được ba năm.

Năm 1835, (Minh Mạng thứ 16), binh triều hạ thành Phiên An.

(Tài liệu trong *B.S.E.I.* năm 1935, trương 56-57. Những chi tiết thuộc *Đại Nam nhứt thống chí* là do bản dịch Pháp Văn của ông Gaspardone).

Theo tài liệu của tập san Hội Cổ học Ấn Hoa *(Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises)* (Năm 1942, tập số 2), thì vào năm 1819, có một khách Hoa Kỳ mỹ danh là John White, từng châu lưu khắp thiên hạ, năm ấy có để chân đến đất Sài Gòn này. Trong quyển sổ tay của J.White, thấy có ghi rằng:

"Thành lũy Sài Gòn xây bằng đá ong; ở kế bên một cơ thủy trại, gần đó là xóm nhà dân cư gồm những lều lúp xúp thấp hẹp. Xóm buôn bán ở ném về hướng Đông. Khi

đức Gia Long dẹp yên Tây Sơn thì dân chúng tựu tề thành rất đông. Họ sửa sang nhà cửa lại mới, một phần lớn các gia đình này dồn về hướng Tây của thành lũy nhà vua" (1).

John White có ghi thêm rằng: "Thời buổi ấy dọc hai bên bờ sông và bờ kinh rạch, có vài chỗ đã được cẩn đá hay xây gạch kỹ càng, chạy nối dài non ngàn thước tây. Về công lộ có đường đã lát đá nguyên miếng lớn dễ coi, nhưng phần nhiều vẫn quanh co uốn khúc và không được chăm sóc tu bổ nên không được sạch".

Về dân số thì thành Sài Gòn phỏng độ lối:

- Một trăm tám chục ngàn (180.000) người dân bổn thổ.

- Và mười ngàn (10.000) người Trung Quốc. (Đây là nói về Quy Thành năm 1790 và vùng phụ cận dưới thời Gia Long).

Sau đó ít lâu, năm 1822, lại có một bác sĩ thú y quý danh là ông Finlayson, tháp tùng phái đoàn Crawfurd, cũng có đến viếng Sài Gòn. Finlayson viết: "Sài Gòn gồm hai thành phố mỗi cái đều rộng lớn bằng hai nước Xiêm La. Ấy là:

1. Sài Gòn (Xin hiểu đây tác giả muốn nói về Đề Ngạn (Thầy Ngồm) hay Chợ Lớn.

2. Và Pingeh (có lẽ đây là Bến Nghé viết theo tác giả phát âm). (Tập san Cổ học Ấn Hoa nói trên).

1) Đây có lẽ tác giả muốn nói "xóm Tân Khai", tục danh Chợ Sỏi, một tên khác nữa của "Vàm Bến Nghé".

Dựa theo Finlayson, chúng ta có thể hiểu được vì sao xưa ông Huỳnh Tịnh Của đã ghi trong bộ *Đại Nam quốc âm tự vị* của người rằng:

Sài Gòn là tên riêng đất Chợ Lớn, bây giờ lại hiểu là đất Bến Nghé (Đ.N.Q.A.T.V., trương 280). (Rõ ràng trước kia danh từ "Sài Gòn" dùng để gọi thành phố Chợ Lớn, về sau mới áp dụng qua đất Bến Nghé).

Một đoạn khác, cũng trong tập san Cổ học Ấn Hoa kể trên, John Crawful viết năm 1828: "Sài Gòn gồm có Pingeh là khu vực của chánh phủ, gồm luôn thành trì bọc chung quanh khu vực ấy với một xóm buôn bán của người Tàu"(1).

Tóm lại, nếu chiếu theo tài liệu của hai người thấy tận mắt thành phố Sài Gòn, - Finlayson và Crawfurd - thì vào cuối thế kỷ 18 bước đầu thế kỷ 19, danh từ "Sài Gòn" đích thị dùng để gọi Chợ Lớn hiện nay. Trong bộ *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, bản dịch Aubaret năm 1863, vẫn ghi: "*Sài Gòn* là danh từ để gọi thành phố của người Trung Quốc ăn ở, phát âm giọng Tàu là "Tai ngòn" hoặc "Tingan".

Trước năm 1790, khi trong Nam chưa có thành trì kiên cố thì đại binh chúa Nguyễn "đồn" dinh trại nơi xóm Tân Mỹ, sau đi về "Chợ Điều Khiển" ở xóm Tân Thuận.

(1) Trong quyển "Promenade dans Saigon" của bà Hinda Amold có một bản địa đồ trong ấy ghi rõ vùng mé sông Bến Nghé, khỏi Chợ Quán, có vùng gọi "Bazar Chinois", đây là chỗ xưa kia người Tàu lựa để thiết lập xóm chợ "Đề Ngạn" sau khi bị Tây Sơn đuổi khỏi Nông Nại đại phố trên Biên Hòa năm 1778.

Năm Gia Long thứ 10 (1811) lại đi về "Đồn Dinh" nền cũ. Gia Long năm thứ 16 (1817) lại dời về Mỹ Hòa, cũng gọi là Nghĩa Hòa. Qua Minh Mạng năm thứ 13 (1832) vua ra lịnh dạy dẹp dinh trại này.

Vua Minh Mạng vì giận giặc Khôi chiếm cứ mấy năm nên dạy phá bỏ Quy Thành của Gia Long xây cất năm 1790. Qua năm thứ 17 (1836), Minh Mạng ra lịnh xây thành khác ở về hướng Đông Bắc Quy Thành.

Chiếu theo bản dịch Gaspardone của bộ *Gia Định thông chí*, Trịnh Hoài Đức, thì thành 1836 có bốn cửa, chu vi 429 trượng, cao 10 trượng 3 thốn, hào thành sâu 7 xích, bề ngang hào 11 trượng 4 xích. Thành 1836 ở tại làng Nghĩa Hòa, huyện Bình Dương (xem địa đồ).

Chính thành 1836, đến năm 1859 thì bị binh Pháp lấy được; Pháp gọi thành 1836 là "Citadelle de Saigon". Đến năm 1859 thành bị hạ binh địa, tính ra xây năm 1836, hạ năm 1859, thành thử chỉ đúng vỏn vẹn hai mươi ba năm, còn vấn số thua Quy Thành của vua Gia Long nữa:

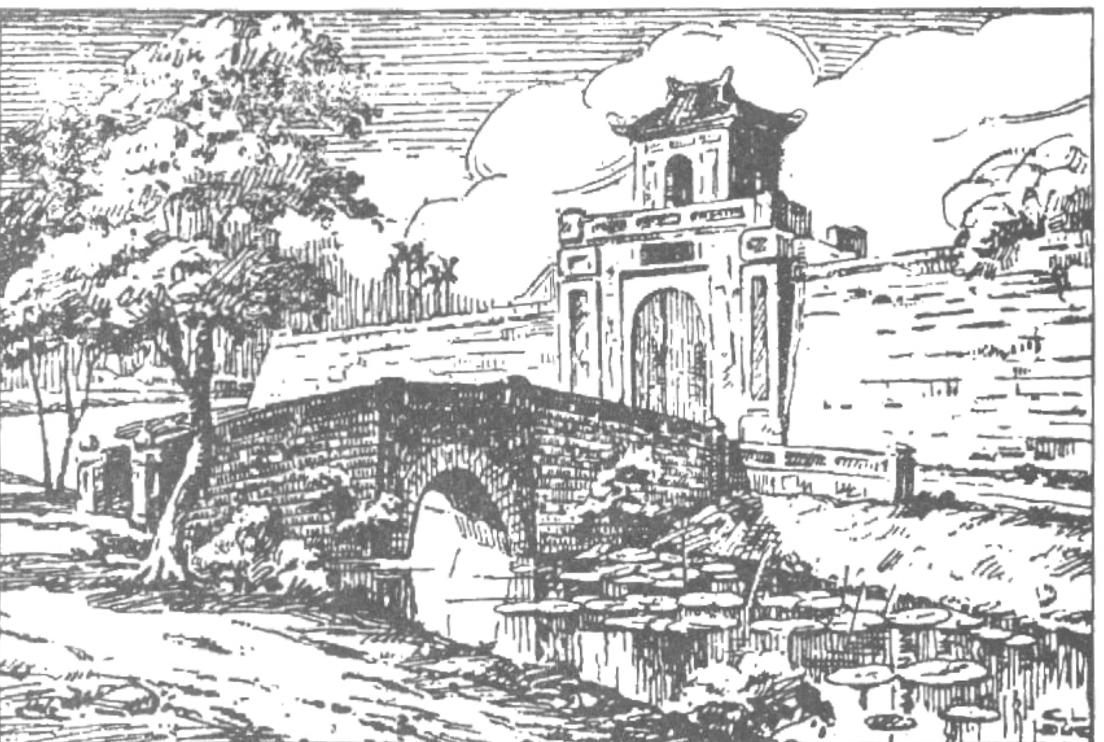
Quy Thành, xây năm 1790, phá năm 1835: 45 năm.

Thành Sài Gòn do Minh Mạng dạy xây năm 1836, bị phá năm 1859, dùng được: 23 năm.

Nghĩ ra Minh Mạng phòng ngừa hậu hoạn, sợ một trận giặc Khôi tái diễn, nên phá Quy Thành còn có chỗ chế. Tuy vậy, người còn biết mót vật liệu thành cũ dùng vào việc tân tạo thành mới 1836. Đến như binh Tây, đoạt được thành "la Citadelle de Saigon" kiên cố, mới ràng ràng,



Ba dĩa xưa nhắc tích **Gia Long tẩu quốc**



Cửa thành Minh Mạng xây năm 1836, bị lính Tây phá vỡ năm 1859 (phỏng họa)

(xem trang 67-71)

Ông Charles Lemire thuật lại rằng: ngày 27 tháng giêng năm 1862, ông có thí nghiệm, thử thọc cây gậy cầm tay vào đống tro tàn, khi rút gậy ra thì đã cháy thành than *(Bulletin de la Société des Etudes Indochinnoises,* năm 1935, trương 8). Charles Lemire thuật tiếp rằng về sau chính bên phe Pháp có người tỏ ra tiếc hối hành động hủy hoại vô ích của Thủy sư Đề đốc Rigault de Genouilly nhưng đã muộn (*B.S.E.I.* 1935 kể trên, trương 96-97). Cho hay làm tướng đi chinh phục nước khác, có hạng còn chút lương tâm, hạng khác chỉ biết giết chóc, tàn phá, sát hại.

Sau khi triệt hạ thành "Citadelle de Saigon", binh lính Pháp dùng sắt và vôi gạch xây thành lính "Sơn đá" của họ, tục danh "Thành 11è R.I.C" (Caserne du Onzième Régiment de l'Infanterie Coloniale) (Trại Bộ binh Thuộc địa đội thứ mười một; trại này nằm gần đúng vị trí Citadelle Việt xưa). (1).

Theo sử sách để lại, thành "Citadelle" Việt bắt đầu từ khu Lê Thánh Tôn chạy đến mé sông là dứt, gồm có khu Dưỡng đường Đồn Đất (Hôpital Grall trước gọi Hôpital Militaire) (nay là bệnh viện Nhi Đồng II), thành cũ 11è R.I.C. và một khu vực thương mãi phồn thịnh ở gần thành

(1) *Trại lính 11è R.I.C. cũ và Dưỡng đường Grall,* có từ năm 1870. Gần hãng SHELL bây giờ, ngày trước có chôn những lính tử trận giặc năm 1859, chừng có nghĩa địa đô thành mới cải táng. Vị trí nghĩa địa ai cũng biết ở đầu đường Mạc Đĩnh Chi, tên cũ là *Massiges,* mà trước nữa là Bangkok. Ông *d'Omay* làm chủ sở Y tế cho đến năm 1874, bịnh nhơn của ông phần nhiều về nằm nơi nghĩa địa nên lớp Tây cũ nói chơi với nhau, muốn trù ai chết sớm, thường nói: *Qu'on l'envoye à Bangkok* (gởi nó đi Bangkok giùm) hay là: *Qu'on l'envoye dans le jardin du père d'Omay* (cho nó vô nằm vĩnh viễn nơi hoa viên lão già d'Omay).

xưa. Nếu xem địa đồ, ta có thể đóng khung "Citadelle" trong bốn con đường hiện tại:

- Đường Phan Đình Phùng (Richaud cũ) (Nay là Nguyễn Đình Chiểu).

- Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Rousseau cũ).

- Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (Rousseau cũ).

- Đường Nguyễn Du (Mossard cũ).

Năm 1859, binh Pháp đổ bộ, do ngả Luro (Cường Để, hiện nay là Đinh Tiên Hoàng) kéo lên công hãm thành Việt. Ngày nay, đi trên khúc đường này, trông thấy cửa thành trước mắt, độ chừng xưa cũng day mặt hướng này. Dọc theo vách rào các dinh thự của võ quan cao cấp bộ Thủy quân Việt (đường Cường Để) thấy cẩn nhiều đá to và gạch thức cỡ lớn, trong vườn, còn nhiều gốc cổ thụ cao ngất trời, hỏi ra di tích cố đô còn lại bao nhiêu đó. Lúc đổ bộ, tàu chiến Pháp thả neo tại công trường Mê Linh. Trào Pháp đặt tên là Place Rigault de Genouilly, có dựng tượng đồng to lớn để ghi chiến công Thủy sư Đề đốc này. Cũng vì thế, chỗ này xưa gọi "Một Hình". Tương truyền những đêm mưa bão có bóng lão hình đồng hiện hình gọi đò qua sông. Trời đánh nhiều lần, lão không hầy hấn, tưởng như vậy mà "bền gan cùng tuế nguyệt", không ngờ kịp năm đảo chính 1945-1946, thanh niên lôi lão, hạ bệ lão xuống, nấu chảy ra biến thành bì súng bắn trả hận năm xưa (1).

*

Theo *Gia Định thông chí* thì năm 1777 (Đinh Dậu) Gia Long thâu phục được Sài Gòn, năm 1779 (Kỷ Hợi) sai

tu định địa đồ lập địa giới dinh Phiên Trấn. Năm 1790 (Canh Tuất) đắp thành bát quái trên gò cao thôn *Tân Khai, tổng Bình Dương gọi đó là Gia Định kinh.* Niên hiệu Gia Long nguyên niên (1802), cải tên Phủ Gia Định làm *Trấn Gia Định,* đặt Trấn quan thống trị. Qua năm thứ 7, cải làm *Gia Định Thành* do một Phó Tổng Trấn thống trị, gọi trấn Phiên An gồm luôn Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên lại kiêm lãnh luôn trấn Bình Thuận.

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), đổi Gia Định Thành làm *Phiên An Tỉnh Thành,* đặt chức An Biên Tổng đốc thống trị hai tỉnh Phiên An và Biên Hòa. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), mang danh Nam Kỳ Lục tỉnh. Năm thứ 17 (1836), xây thành mới đổi danh là *Gia Định Tỉnh.* Đổi An Biên Tổng đốc làm *Định Biên Tổng đốc.*

---

(1) *Công trường Một Hình:* có từ năm 1863. Nhưng tượng *de Genouilly* năm 1879 mới dựng, qua năm 1945 thì bị hạ. Cũng năm 1945 hạ luôn tượng d'Adran, dựng từ năm 1903. Còn lão Gambetta có cả đến hai pho tượng. Cái thứ nhất, do đô thành đặt cho thợ Falguière làm bên Pháp đem qua đây, bởi không lựa ngày ăn lạc thành, nên khiến trước dựng giữa đường Norodom-Pellerin, sau dời về Chợ Cũ, chỗ Tổng Ngân khố hiện nay, rốt đem về vườn Tao Đàn. Kịp năm Nhựt đến, chánh phủ Pháp muốn thâu dụng số đồng dùng vào chiến tranh, sai thợ nấu lão *Gambetta,* thì hỡi ôi! Thân lão là ersatz, đồ đồng giả, không dùng được. Pho tượng thứ hai, thì do một nhơn vật về Pháp nghỉ hè rồi đặt làm và chở qua đây, khi biết dư dùng thì việc đã rồi, làm tội nghiệp cho pho tượng tiền nong có trả đủ không chẳng biết, duy biết pho tượng cứ để y trong hòm cây cho đến một ngày kia thùng và tượng biến đâu mất không một ai hay biết, nấu lấy đồng hoặc bán cho các chú bán ve chai!

Địa thế Sài Gòn

Nhìn trên địa đồ, ta thấy rõ địa thế Sài Gòn khá gọi là hiểm trở:

a) Thuở xưa khi chiến tranh còn "hiền", đánh bộ thì lính đi chơn không, còn binh khí thì dùng dao mác, mã tấu, chà gạc, đánh thủy, thì trông cậy nơi thuyền buồm, cung tên... Súng đồng nếu có thì bắn không xa, đạn đá đạn sắt làm sợ nhiều hơn giết chết. Vì thế, vị trí Sài Gòn đúng là hiểm yếu, kiên cố; nhờ ở giữa trung tâm các ngọn "sông sâu nước chảy" và giữa các đường lộ "bủa giăng như lưới nhện".

b) Nhờ ở cách biển tám mươi chín cây số ngàn (89 km) nếu tàu chiến tàu ô ở ngoài khơi kéo vào, thì Sài Gòn có đủ thời gian thủ thế và nghinh chiến. (1)

c) Nhờ đó ở trên gò trên nổng, cao hơn mặt biển trên mười thước có hơn, Sài Gòn thêm có sẵn hai hào thiên nhiên che chở là sông Thị Nghè và sông Bến Nghé. Tuy vậy năm 1859, rạch Thị Nghè không đủ sức ngăn tàu sắt của Đề đốc Rigault de Genouilly và đã để cho tàu Pháp xáp cận thành...; nhưng bình nhựt nếu có phòng bị thả chông, nhận chìm xác ghe xác thuyền chở đá chẹn ở lòng sông cho thật nhiều, thì đủ ngăn sức giặc đường thủy một thời gian.

(1) Position de Saigon. à 10.47 lat. O.-106.38 long. E. Greenwich, à 89 km du Cap St. Jacques, 13.550 km de Marseille (7.316 milles) par mer, 12.000 km de Paris par air, d'après Indochine modern d'Eug. Teston et Maur. Percheron, lib, de France, Paris, page 454.

d) Sài Gòn có sự ủng hộ của nhiều đồn bao bọc xung quanh. Các đồn này nối liền nhau bởi các sông rạch bủa tứ giăng rất là thuận tiện và hiệu nghiệm. Vì bài biên khảo này có tính cách "thường đàm", nên không sao chép tên các đồn, đã được ghi rõ trong quyển *Đại Nam nhứt thống chí (Lục tỉnh Nam Việt)*, bản dịch Nguyễn Tạo, do Bộ Quốc gia Giáo dục, Nha Văn hóa, xuất bản năm 1959.

e) Thành Sài Gòn được tiện lợi là kề vựa lúa miền Nam, tức Chợ Lớn. Nếu chẳng may bị địch vây khổn, thì ít lo nạn đói. Vả lại, Sài Gòn có chứa rất nhiều nước lọc thiên nhiên dưới đất sâu, hễ đào giếng là có nước ăn nước dùng rất tốt, không sợ nạn thiếu nước.

Từ Chợ Lớn xuống xa một đỗi thì có chợ Mỹ Tho là giáp mối các con sông đường thủy vận về miền Nam Lục Tỉnh, và lên thẳng Nam Vang (Phnôm-Pênh). (Ngày nào sự chuyên chở còn "ăn chịu" nhờ đường nước, thì chợ Mỹ Tho sung túc phồn thịnh ngày ấy. Ngày nay khách bộ hành và hàng hóa xoay qua dùng nhiều xe hơi chạy ét xăng hơn dùng tàu bè, cho nên chợ Mỹ đã "xuống chưn". Câu thi xưa *Trên Sài Gòn, dưới Mỹ Tho, đâu thiên hạ cũng nhường cho;...* nay không còn đúng sự thật! Trái lại, các chợ búa không nằm trên đường nước nhưng vẫn nằm trên đường lộ cái, như chợ Cai Lậy, bến phà Mỹ Thuận, chợ Cần Thơ, chợ Sóc Trăng, vẫn tấn phát như thường, nhờ xe qua lại hằng bữa. Riêng bến phà Mỹ Thuận, ngày nào cầu bê tông sắt xây cất xong, xe khỏi xuống bắc, thì chợ nhóm nơi đây sẽ mất phồn thịnh. Luật tiến hóa là vậy: cái vui mừng của khách bộ hành được đi mau về lẹ bao nhiêu, lại là nỗi lo buồn của người buôn thúng bán

mẹt đò Mỹ Thuận bấy nhiêu vậy!. Con đường thiết lộ của Pháp đặt trước kia, định nối liền mũi Cà Mau lên Nam Vang xuyên ngang Sài Gòn, vừa từ Sài Gòn chạy tới Mỹ Tho kế bị tháo. gỡ: nhựa bánh cao su xe ô tô đã chiến thắng con đường sắt và chiếc hỏa xa.

Tóm lại, ngày trước chiến tranh, chiến cụ còn theo lề lối xưa, nên vị trí và địa thế Sài Gòn thật là đắc thế. Ngày nay, tuy chiến lược đã đến thời kỳ nguyên tử, nhưng nhờ đứng giữa ổ nhện đường lộ tứ giăng, thêm có phi cảng rộng lớn, nên sự bành trướng và phồn thịnh của Sài Gòn càng tăng thêm mãi mãi, chớ không bớt.

Thử nhắc lại vài nét ăn thói ở thời Quan Lớn Thượng

Quan Tả quân Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định Thành trước sau hai kỳ:

- Lần đầu, từ năm 1813 đến năm 1816, rồi được chỉ triệu về kinh để bàn nghị về ngôi Thái tử.

- Lần sau, từ năm 1820 đến năm quy thần, tức năm 1832 (1), dinh của người ở sau tòa Vọng cung (Hành cung).

(1) Về ngày quy thần của Lê Tả quân, ít người biết rành. Quyển *Điều cổ hạ kim thi tập* của Nguyễn Liên Phong, soạn năm 1915, trương 27, ghi rằng: "Ngài (Lê Văn Duyệt), tuy đau sơ sịa, song biết mình đại mạng dĩ định, bèn trối với Đỗ phu nhơn, nhưng cùng các tướng sĩ bộ hạ thì trối sơ vài lời vậy thôi. Bước qua ngày ba mươi, tháng bảy năm Nhâm Thìn (1832) ước chừng hai giờ khuya (giờ Sửu) ngày tắt hơi, thọ 70, hiện nay ngày mồng một tháng tám là ngày kỵ. Lúc tắt hơi, thì bốn phía Xóm Chợ Đũi và nội làng Xuân Hòa, các quân lính đều ngó thấy sáng rực một đường dài lớn như cây lụa điều từ trong dinh bay xẹt ra, bay chậm chậm rồi phăng phăng bay lên hoài, trực chỉ mặt trời lặn hồi lâu biến mất.

Theo ông Malleret thì Hành cung ở ném về phía trên con đường Paul Blanchy, giáp với đại lộ Norodom, lối vào Câu lạc bộ Võ quan Pháp (Bộ Tư Pháp hiện nay) lấn qua một phần đất sở Bưu điện với một phần sở Địa chính (B.S.E.I., Oct./Déc. 1935, tr. 46).

Tả quân bao giờ cũng nêu cao chủ quyền nhà vua. Mỗi năm đáo lệ, có hai lễ lớn: lễ triều kiến vua vào đầu xuân nhựt và lễ hành binh. Tả quân giữ đúng lệ và rất nghiêm về mặt nghi tiết. Ngoài việc đúng năm vua Miên phải nạp lễ cống không được chậm trễ, bổn phận vua Miên phải sang chúc thọ vua Việt tại thành Phan An mỗi dịp Nguyên đán. Cứ đêm ba mươi Tết, vua Miên phải có mặt tại thành để kịp sáng hôm sau đúng canh năm thì cùng Lê tổng trấn hành lễ chúc thọ tại Vọng cung. Ông Trương Vĩnh Ký kể lại trong ức lục *Souvenirs historiques* rằng có một năm, vua Miên xuống dự lễ, thay vì ở trong thành Phan An lại vào Chợ Lớn nghỉ đêm, bởi rứa, hôm sau lúc trống điểm năm dùi Tả quân và tiểu triều hành lễ tại Vọng cung thì vắng mặt vua Miên. Tả quân nhứt định không chờ, đến khi lễ tất, vua Miên mới đem lễ vật tiến vào. Tả quân chiếu điển lệ, phạt vạ vua Miên phải nộp đủ ba ngàn lượng bạc mới cho về nước.

Ngoài ra, cứ ngày mồng sáu tháng giêng, thì Tả quân làm lễ "xuất binh" - (muốn gọi "ra binh", "hành binh" đều được). Dịp nầy, người ta ra lịnh đòi hết các cơ binh đóng ở "Lục tỉnh" (1) về để người duyệt nơi Đồng Tập trận cũng

(1) - Nói "Lục tỉnh" làm vậy cho gọn, chớ kỳ thật danh từ "Nam Kỳ Lục tỉnh" chỉ có từ năm 1834, (Minh Mạng năm thứ 15).

gọi "Mô Súng" sau này mới gọi là Mả Ngụy (1).

Lễ này diễn ra để thị oai với các nước lân bang (Cao Miên, Xiêm La...) vừa để vỗ an dân tâm, vì thuở ấy, dân tình chất phác vẫn tin tưởng quỷ thần và hiểu rằng đầu năm có diễn oai lực binh quân làm vậy thì trong xứ suốt năm dân sẽ được bình an vô bịnh, bởi tà ma quỷ mỵ đều khiếp sợ oai võ của Tả quân.

Ngày mồng sáu tháng giêng, Tả quân tắm gội trai kỳ, ngồi kiệu đến Hành cung làm lễ chúc thọ vua rồi phát ba tiếng súng tiền hô hậu ủng, lên kiệu thẳng ra Đồng Tập trận, khi binh gia rần rộ kéo ra do ngả Gia Định môn, khi khác lại do cửa Phan Yên, từ đó xuống ngả Chợ Vải (tên xưa của xóm Chợ cũ Sài Gòn ngày nay) để trở lại đường Cửa Hữu (Mac Mahon hay de Gaulle cũ) (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa), và trực chỉ lên Mô Súng. Lễ diễn binh hoàn thành, ông Lớn Thượng (tên kính trọng của dân Nam tặng đức Tả quân) đi kiệu một vòng chung quanh

---

(1) - ***Mả Ngụy hay Mả Biền Tru.*** Giặc Lê Văn Khôi, dậy năm 1833, hạn ngày 8 tháng 9 năm 1835. Có cả thảy 1.137 người lớn nhỏ bị chém và vùi thây trong một mả lớn không núm (tr.22 Lê Văn Phát, ***Khảo về Tả quân Lê Văn Duyệt***, - Nhà in Nguyễn Văn Của, Sài Gòn, 1924). Trong quyển này, ông Lê Văn Phát cho ta biết Mả Ngụy ở gần trường đua cũ, làng Chí Hòa, tại góc đường Thuận Kiều (Lê Văn Duyệt) và Général Lizé (Phan Thanh Giản). Xưa còn thấy trụ đề "Ngụy tặc nhứt võng trinh tru." (quân loạn bát chung một lưới bị giết hết). Theo học giả Đặng Văn Ký thì Mả Ngụy ở gần Dưỡng đường Bình Dân đường Phan Thanh Giản (hiện nay là Điện Biên Phủ). Chưa ai tìm ra di tích Mả Ngụy. "1.137 hommes furent exécutés dans la Plane des Tombeaux (Champ du Polygone actuel) et ensevelis dans une même fosse (Mả Biền Tru)". (*Histoire Annamite* par Trương Vĩnh Ký. p 264).

Quy Thành, ghé viếng cơ xưởng Thủy quân (nay là Arsenal) rồi trở về dinh là giải tán. Trong khi ra quân, thì trong thành dân cư vọng bàn hương án đốt pháo, thắp hương, cốt mượn lễ ra quân để bày lễ tống quái trót thể. Thuở ấy, quân lịnh của Tả quân rất nghiêm mỗi khi hành quân, thì những người có tang khó, nhứt là người đàn bà bụng mang dạ chửa, đều phải lánh xa. Đi trước đám quân sĩ, có lịnh nạt đường và quân cầm đồ nghi trượng: hai thanh mác trường, hai ngọn cờ tiết mao, hai trái dùi đồng, hai phủ việt (búa hoặc rìu), hai cái biển, một khắc chữ *Tĩnh Túc* (im lặng cung kính), một đề *Hồi Tỵ* (tránh đi) tức để cho thần dân biết trước mà đề phòng tránh mặt và sửa soạn chuẩn bị rước lễ cho oai nghị. (Những binh khí cổ này, gọi "đồ lỗ bộ", hiện có chưng bày trong Viện Bảo tàng.)

Một kỳ khác nữa, nhơn lễ "Trùng ngũ" (mồng năm tháng năm). Tả quân xuất thành để hành lễ "tịch điền" (hạ tịch) bên Thị Nghè. Tịch điền ở vào vùng đối này đã mất dấu vì gần đây dân cư đã xây cất nhà cửa lên trên. (Những chuyện về Tả quân còn nhiều nhưng trong tập nầy khảo về Sài Gòn, xin miễn kể).

Chúa Nguyễn Ánh đóng đô tại Sài Gòn trước sau hai mươi năm (1779-1801), và mỗi năm, cứ mùa gió thuận thì kéo binh từ Gia Định ra nghinh địch cùng Tây Sơn vùng Bình Định Quy Nhơn. Năm 1801, chúa Nguyễn thống nhất Bắc Nam, tức vị xưng đế hiệu; từ khi định đô tại Huế, mới thôi ở Sài Gòn và thành này từ đó xuống địa vị một trấn biên thành.

2). Sài Gòn dưới trào Minh Mạng (1820 - 1840)

Ngày nay nhắc lại thì tòa Hành cung đã không còn duy cứ theo dấu tích để lại thì biết ở lọt giữa đường Thống Nhứt hiện tại. Địa điểm phủ tướng súy, tức dinh Tả quân, truy ra thì ở gần nhà linh mục Bá Đa Lộc và gần bộ Ngoại giao hiện thời (đường Alexandre de Rhodes) chạy dài ra sau dinh Tổng thống (vì thế cho nên cái hoa viên Tao Đàn, xưa tách ra còn mang tên riêng là "Vườn Ông Thượng"). Còn tư dinh của Tả quân phu nhơn (tộc danh: bà Đỗ Thị Phẫn) thì lọt trong vòng rào dinh Tổng thống hiện thời. Về vườn Tao Đàn, danh từ Pháp xưa gọi "vườn Bồ rô". Nội cái tên Tây này, thú thật tôi cũng không rõ điển tích rành rẽ. Có người cắt nghĩa chỗ ấy xưa có làm một cái "préau" (sân chơi trường học hay tu viện) hoặc "bureau" (văn phòng) gì đó, cho nên dân ta dựa theo bèn chế ra danh từ "Bờ Rô" để gọi làm vậy. Thiết tưởng thà tôi chịu dốt, mặc người cười, còn hơn lòe các học hữu và nhóm thanh niên bằng một cách giải nghĩa gượng ép và không căn cứ. Tiếc cho một di tích vừa hơn trăm năm mà đã phai mờ trong trí nhớ của người trong nước. Riêng theo tài liệu của ông giáo Trần Văn Xường, do ông Lê Ngọc Trụ thuật lại, thì "Bờ Rô" có lẽ do "Moreau" ta đọc trại đi, và cứ theo ông Xường "Moreau" là tên của người quản thủ Pháp đầu tiên được cắt chăm nom vườn này. Dẫu thế nào, theo tôi, danh từ "Bờ Rô" chưa được diễn giải một cách ổn thỏa. Nhưng dầu chi đi nữa, ta không nên cắt nghĩa càn bừa. Tiện đây tôi yêu cầu các học giả nên thận trọng lời diễn luận chẳng khá làm tàng bịa đặt tên "nhà thương Đầm

Đất" (như trong một tờ tạp chí kia), trong lúc dường đường Grall được cất xây trên một *đồn đất* thật sự, ai ai cũng rõ biết, và cũng không nên vì thấy gần Sài Gòn có những chợ: "Ông Lãnh", "Bà Chiểu", "Bà Điểm", "Bà Hom", "Bà Rịa", "Bà Đen" rồi đề quyết Năm Bà vốn là thê thiếp ông Lãnh binh nọ. Tội chết đa! Tuy người mất rồi không nói được, chớ còn người cố cựu nữa chi? Bạn thân tôi, ông Sơn Nam có kể cho tôi nghe gần quận Cái Bè, trên con đường đi về Hậu Giang, có một khúc quanh gọi "Khúc quanh ông Cọp". Nhiều học giả chưa gì vội nói hớt, cắt nghĩa: "Xưa ở vùng ấy, cọp rất nhiều, nên dân bản xứ lấy đó đặt tên". Theo ông Sơn Nam chịu khó điều tra kỹ càng; rõ lại mấy chục năm về trước hãng bán tủ sắt hiệu "BAUCHE" có quảng cáo cho thứ tủ này bằng một bảng lớn dựng tại khúc quanh đó; trên bảng vẽ hình một con hổ to ngồi chồm hổm trên đầu tủ, một tay thò xuống cố cạy nắm tủ "BAUCHE" (nhãn hiệu "con cọp") cạy hoài mà không sao cạy được, đủ biết tủ sắt kiên cố bực nào. Dân quê trong vùng qua lại thấy bảng vẽ cọp chan chản tại khúc quanh, trong khi nói chuyện bèn gọi tắt chỗ ấy là "khúc quanh ông Cọp". Chuyện chỉ có bấy nhiêu, không nên lắm sự!